TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **133/**2023/DS-PT
Ngày 01-8-2023
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Viết Hùng
Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Ninh
Bà Lê Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên toà: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27/7 và ngày 01/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2022/TLPT-DS ngày 11 tháng 11 năm 2022 về việc: "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 180/2022/QĐXXPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:* Bà Thị N, sinh năm 1966; địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thị N: Bà Thị N, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phan Đức H, sinh năm 1994 - Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội; Địa chỉ: Số 30 Lê Trung Nghĩa, phường 12, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

**Bị đơn:* Bà Võ Thị V, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị V: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Uỷ ban nhân dân huyện L; Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường S – chức vụ: Chủ tịch UBND huyện L; Đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Th – Chức vụ: Phó phòng Tài nguyên và môi trường huyện L.

2. Ông Nguyễn Thành Nh, sinh năm 1956

3. Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1985

4. Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1987

5. Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1991

6. Bà Nguyễn Thị Hoàng O, sinh năm 1993

Cùng địa chỉ: ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

7. Ông Lâm Hùng V, sinh năm 1964

8. Ông Lâm Ph, sinh năm 1964 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Lâm Ph:

- Bà Thị Đ, sinh năm 1967
- Bà Thị Xa R, sinh năm 1982
- Ông Lâm Kh, sinh năm 1988
- Bà Thị D, sinh năm 1991
- Ông Lâm D, sinh năm 1994

Cùng trú tại: Tổ 2, ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

(Bà Thị Xa R, ông Lâm Kh, bà Thị D, ông Lâm D cùng thống nhất ủy quyền cho bà Thị Đ tham gia tố tụng theo biên bản họp gia đình ngày 05/7/2023)

9. Ông Lâm H, sinh năm 1972

10. Bà Thị A, sinh năm 1986

11. Ông Lâm Hùng V, sinh năm 1988

12. Ông Lâm Hùng L, sinh năm 1995

13. Bà Thị N, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước

** Người làm chứng*:

1. Ông Lâm Chúc B, sinh năm 1958

2. Ông Lâm P, sinh năm 1957

3. Bà Thị Ph, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Tổ 1, Ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước.

**Người phiên dịch*: Bà Thị Sa R, sinh năm 1999; địa chỉ: Ấp Sóc Lớn, xã Lộc Khánh, huyện L, tỉnh Bình Phước.

** Người kháng cáo*: Nguyên đơn bà Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị N và người đại diện ủy quyền là bà Thị N thống nhất trình baøy:

Bà Thị N yêu cầu bà Võ Thị V trả lại diện tích 153,7m^2 tọa lạc tại ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Diện tích đất có nguồn gốc do Hợp tác xã Thành Công sau khi giải thể đã cấp cho nhiều hộ, trong đó có ông Lâm Kh (là cha của bà Thị N) vào năm 1981 với diện tích 2000m^2. Từ khi được cấp thì ông Lâm Kh và bà Thị N cùng sống trên thửa đất này. Cùng năm 1981 thì ông Lâm Kh cho bà Thị N toàn bộ diện tích đất trên, bà Thị N cùng chồng là Lâm Hùng V dọn dẹp, canh tác và sống trên đất cho đến nay. Phần đất của ông Lâm Kh trước đây giáp ranh đất của bà Thị Ph và ông Lâm Chúc A, đến năm 1993 thì bà V mua lại 100m^2 của bà Thị Ph nên giáp với đất của bà V. Thời gian đầu diện tích đất trên được gia đình bà Thị N sử dụng trồng cây ngắn ngày sau đó bỏ trống. Sau khi đến ở thì bà V xin bà Thị N cho mượn phần đất này để làm sân phơi, mặc dù bà Thị N không đồng ý nhưng bà V vẫn sử dụng. Đến khi bà V xây tiệm hớt tóc đã lấn chiếm luôn. Bà Thị N không đồng ý đã tranh cãi với bà V và có báo xã, nhưng chỉ báo bằng lời nói, không có giấy tờ gì cũng không ai giải quyết. Do không hiểu biết và mệt mỏi nên bà Thị N không khởi kiện tranh chấp đối với phần đất trên. Đến năm 2019 bà V kiện bà Thị N lấn đất (đối với phần đất khác) ra xã, khi xã giải quyết bà N mới biết đất tranh chấp trên đã được cấp cho bà V, khi đo đạc cấp sổ gia đình bà Thị N đều không có nhà nên không biết, cứ tưởng phần đất này nằm trong sổ đất cấp cho gia đình bà Thị N đứng tên ông Lâm Hùng V rồi. Việc bà V cho rằng đất này mua của bà Thị Ph là không đúng vì căn cứ bản án số 20/2020/DS-ST ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện L trước đây giải quyết tranh chấp giữa ông Lâm Chúc A với bà V và theo lời khai của bà Thị Ph hiện nay cũng khẳng định chỉ bán cho bà V diện tích đất dài, rộng 10 bước chân tức chỉ khoảng 100m^2. Khi giải quyết tại UBND xã kết luận của ông Thiệp tại biên bản hòa giải tranh chấp đất ngày 08/3/2019 cũng khẳng định sổ cấp cho bà V là sai thực tế. Việc đất trên của ông Lâm Kh có nhiều người làm chứng đều biết. Khi được giao thì đất chưa có giấy CNQSDĐ hiện một phần diện tích đất giao cho ông Lâm Kh này đã được cấp giấy CNQSDĐ, cụ thể là thửa đất số 541 với diện tích 1807m^2 thuộc giấy CNQSDĐ số 01209 do UBND huyện L cấp ngày 08/4/1999 cho hộ ông Lâm Hùng V. Ngoài ra, còn một phần chưa được cấp sổ vì xã nói là đất công không làm sổ được nhưng hiện vẫn do hộ bà Thị N sử dụng và phần đất bà V lấn chiếm. Phần đất tranh chấp hiện đã được cấp giấy CNQSDĐ số 01169 ngày 08/4/1999 cho hộ bà Thị Vân. Khi khởi kiện bà Thị N yêu cầu bà V tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại diện tích 67,45m^2 và yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ 01169 cấp cho hộ bà V. Trong quá trình

giải quyết vụ án bà Thị N có đơn khởi kiện bổ sung về diện tích đất, yêu cầu bà V trả lại thửa đất diện tích 153,7m^2 theo như đo đạc của Chi nhánh VPDKĐĐ huyện L. Tại phiên tòa bà Thị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đã sửa đổi bổ sung trên.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Võ Thị V và người đại diện theo uỷ quyền của bà V là ông Nguyễn Thanh T trình baøy:

Thửa đất bà Thị N tranh chấp với diện tích 153,7m^2 toạ tại ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước nằm trong giấy chứng nhận QSDĐ số 01169 do UBND huyện cấp ngày 08/4/1999 cho hộ bà Võ Thị V với diện tích được cấp sổ là 564m^2. Toàn bộ diện tích đất bao gồm cả phần diện tích đất đang tranh chấp có nguồn gốc do bà V nhận chuyển nhượng của vợ chồng bà Thị Ph và ông Lâm Chúc A vào năm 1993, khi mua đất chưa có giấy CNQSDĐ, có lập giấy tờ tay nhưng năm 2001 nhà cháy nên không còn.

Khi nhận chuyển nhượng bà Thị Ph là người bán và chỉ ranh cho vợ chồng bà V, ông Nh. Về ranh đất ở phía sau giáp đất công của Nhà nước mà trước đây được sử dụng làm trường học chứ không liên quan đến đất bà Thị N. Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình bà V đã sinh sống ổn định trên thửa đất này từ năm 1993 đến nay, trên đất tranh chấp hiện có nhà bếp, tiệm hớt tóc xây từ năm 2009 và một số cây trồng trên đất.

Quá trình sử dụng không ai tranh chấp gì phần đất này đến năm 2019 mới phát sinh tranh chấp với hộ bà Thị N. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thị N về việc yêu cầu trả đất và hủy giấy CNQSDĐ thì bà V không đồng ý toàn bộ. Ngoài ra không có yêu cầu giải quyết vấn đề gì trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành Nh và ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Thống nhất với phần trình bày của bà V và người đại diện theo uỷ quyền về nguồn gốc đất. Đất trên là do vợ chồng bà V, ông Nh nhận chuyển nhượng từ bà Thị Ph từ năm 1993. Sau khi nhận chuyển nhượng thì gia đình sinh sống trên đất từ năm 1993 đến nay, không có tranh chấp với ai. Nay bà Thị N yêu cầu trả lại toàn bộ diện tích đất trên và yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ thì ông Nh và ông Tình không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị N, ngoài ra không có ý kiến hay yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành T, bà Nguyễn Hoàng Oanh và bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày:

Ông T, bà Th và bà O là con ruột của bà V, thời điểm nhận sang nhượng đất từ ông Lâm Chúc A thì ông T, bà O và bà Th còn nhỏ, tuy nhiên có nghe bà V nói đất trên nhận chuyển nhượng từ ông Lâm Chúc A từ năm 1993 và gia đình sinh sống ổn định đến năm 2020 thì bị bà Thị N khởi kiện tranh chấp. Khi sang nhượng do ông T, bà O và bà Th còn nhỏ nên không có công sức đóng góp gì. Việc bà Thị N khởi kiện thì ông T, bà Th và bà O không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lâm Hùng V trình bày:

Bà Thị N là vợ của ông Lâm Hùng V, thửa đất bà Thị N tranh chấp với bà V có nguồn gốc do ông Lâm Kh (đã chết) là cha bà Thị N cho bà N. Thời gian ông Lâm Kh cho đất đã lâu nên không nhớ nhưng lúc ông Lâm Kh cho đất thì ông V và bà Thị N đã là vợ chồng nên ông có chứng kiến. Ông Lâm Kh nói cho hết thửa đất đó chứ không đo nên không biết diện tích bao nhiêu, cho bằng lời nói chứ không có giấy tờ gì. Ông và bà N sống tại thửa đất được ông Khách cho từ năm 1981 đến nay. Phần đất tranh chấp trước đây bên bà Thị N có trồng cây ngắn ngày sau này để trống nên bị bà V lấn chiếm. Thời gian bà V lấn chiếm không nhớ, chỉ nhớ là lấn chiếm xong thì xây tiệm hớt tóc và khi giải quyết tranh chấp ở xã vào khoảng năm 2018, 2019 mới phát hiện bà V đã làm sổ phần đất này rồi. Đất của ông Lâm Kh cho bà Thị N trước đây giáp ranh đất ông Lâm Chúc A, sau này ông Lâm Chúc A bán đất cho bà V nên hiện nay đất giáp ranh bà V. Trước đây giữa đất bà N và ông Lâm Chúc A có ranh rõ ràng là nọc da đá có cắm ở đầu và cuối đất. Sau này bà V nhổ hết nên không còn ranh nữa. Hiện trên đất tranh chấp này có tiệm hớt tóc, 01 căn nhà, cây trồng toàn bộ do bên bà V làm và đang sử dụng. Khi bà V được cấp giấy CNQSDĐ thì gia đình ông V không biết, sau này biết nên mới đi kiện. Nay bà Thị N khởi kiện yêu cầu bà V tháo dỡ, di dời toàn bộ tài sản trên đất để trả lại thửa đất diện tích 153,7m^2 cho bà Thị N và yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ số 01169 do UBND huyện L cấp ngày 08/4/1999 cho hộ gia đình bà V thì ông thống nhất với bà N, không có yêu cầu giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai của ông Lâm Hùng L trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của ông Lâm Hùng V, bà Thị A và bà Thị N tại phiên tòa thì các đương sự thống nhất trình bày:

Ông Lam, ông Việt, bà Thị A, bà Thị N là con ruột của bà Thị N. Về nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp hiện nay giữa bà Thị N với bà Võ Thị V thì nghe cha mẹ kể lại là của ông ngoại tên là Lâm Kh, sau đó ông Khách cho lại bà Thị N. Đất giữa hai bên gia đình có ranh đất rõ ràng từ rất lâu rồi, phần tranh chấp trước đây gia đình có sử dụng sau này để trống thì bị bà V lấn chiếm sử dụng, bà V làm nhà trên phần đất này nên phát sinh tranh chấp. Tài sản trên phần đất tranh chấp hiện gồm có căn nhà bếp, tiệm hớt tóc, vài cây trồng do bên bà V làm. Nay bà Thị N khởi kiện yêu cầu bà V tháo dỡ, di dời tài sản để trả lại toàn bộ diện tích tranh chấp và yêu cầu hủy giấy CNQSDĐ cấp cho hộ bà V thì ông V, ông L, bà Thị A, bà Thị N thống nhất với việc khởi kiện của bà N, không có yêu cầu gì khác trong vụ án.

Theo biên bản lấy lời khai đối với ông Lâm Ph và lời khai của ông Lâm H tại phiên tòa, thì ông Lâm H và ông Lâm Ph thống nhất trình bày:

Đất tranh chấp trên ông Lâm H và ông Lâm Ph có biết nguồn gốc đất do của cha ông Lâm H và ông Lâm Ph là ông Lâm Kh được hợp tác xã chia cho (năm nào không nhớ). Ông Lâm H và ông Lâm Ph có sống trên đất một thời gian nhưng đã ở riêng từ nhiều năm rồi. Đất trên ông Lâm Kh đã cho bà Thị N, các anh em trong gia đình đều đồng ý việc cho đất. Quá trình bà Thị N sử dụng

thế nào thì ông Lâm H và ông Lâm Ph không biết, việc tranh chấp giữa bà Thị N và bà V cũng chỉ nghe kể chứ không biết. Ông Lâm Kh và bà Thị N sống ở đất này từ khi được chia đất, ông Lâm H và ông Lâm Ph không canh tác, sử dụng gì đất này. Về ranh đất và việc hợp tác xã chia đất diện tích bao nhiêu ông Lâm H và ông Lâm Ph cũng không biết, việc chia đất không có giấy tờ gì, chỉ nghe ông Lâm Kh kể lại chứ không có chứng kiến. Nay bà Thị N yêu cầu bà V trả đất và yêu cầu hủy sổ đất cấp cho hộ gia đình bà V thì ông Lâm H và ông Lâm Ph thống nhất với bà N, không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại văn bản số 2059/UBND-NC ngày 12/9/2022 Uỷ ban nhân dân huyện L trình bày:

Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp 7, xã L, huyện L được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01169QSDĐ/11/99/QĐ-UB ngày 08/4/1999 cho hộ bà Võ Thị V. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo kết quả đo đạc chính quy xã L từ năm 1998. Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng từ năm 1993. Việc cấp giấy CNQSDĐ 01169 là đúng quy định của pháp luật. Nay bà Thị N tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01169QSDĐ/11/99/QĐ-UB thì Ủy ban nhân dân huyện L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Những người làm chứng ông Điểu L, ông Lâm D, bà Thị S trình bày:

Ông Lâm D, ông Điểu L và bà Thị S có biết các đương sự vì có đất ở giáp ranh, không có mâu thuẫn gì với những người trên. Thửa đất tranh chấp hiện nay là đất của ông Lâm Kh. Trước đây không nhớ năm nào thì ông Lâm Kh có khai phá một thửa đất tại ấp 7, xã L, diện tích khai phá không biết, nhưng sau này hợp tác xã Thành Công lấy đất của ông Lâm Kh làm nhà kho, sau khi giải thể thì hợp tác xã trả lại đất cho ông Lâm Kh. Ngoài ông Lâm Kh thì hợp tác xã lấy đất của nhiều người có cả gia đình ông Lâm D, ông Điểu L và bà Thị S trong đó. Sau khi Hợp tác xã trả lại thì trả lại cho tất cả những người bị lấy đất trước đó, đất cũ của ai thì cứ tự sử dụng lại chứ không làm giấy tờ gì. Đất trên của ông Khách thì ông Lâm Danh, Điểu Lóh và bà Thị San thấy sau khi được trả lại thì ông Lâm Kh và con là bà Thị N ở, sau này ông Khách chết thì gia đình bà N tiếp tục ở cho đến nay, còn việc ông Lâm Kh cho đất con như thế nào, diện tích đất ra sao và tranh chấp giữa các bên như thế nào thì ông Lâm D, ông Điểu L và bà Thị S không biết.

Người làm chứng bà Thị Ph trình bày:

Bà Thị Ph xác định có bán đất cho bà Võ Thị V vào năm 1993, khi bán bà Thị Ph có đi chỉ ranh cho bà V. Tuy nhiên chỉ chuyển nhượng diện tích đất chiều ngang, chiều dọc 10 bước chân là khoảng 100m^2. Diện tích đất tranh chấp hiện nay giữa bà Thị N với bà V không nằm trong diện tích đất bà Thị Ph chuyển nhượng cho bà V mà của ông Lâm Kh.

Người làm chứng ông Lâm L trình bày:

Ông Lâm L là trưởng ban điều hành ấp 7, xã L. Ông có ký tại xác nhận theo đơn xác minh nguồn gốc đất ngày 23/8/2021 của bà Thị N. Nhưng nguồn gốc đất đang khởi kiện thì ông Lâm L không biết, ông Lâm L chỉ biết Hợp tác xã Thành Công có giao đất cho các hộ dân nhưng diện tích, vị trí giao cho từng hộ thì ông Lâm L không biết, cũng không chứng kiến việc giao đất.

Tại Bản án số 39/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị V trả lại thửa đất có diện tích 153,7m^2 tọa lạc tại ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình phước và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01169QSDĐ/11/99/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 08/4/1999 cho hộ bà Võ Thị V.

Ngoài ra, Bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 12/10/2022 nguyên đơn bà Thị N có đơn kháng cáo đối với Bản án dân sự sơ thẩm trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên toà:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên toà, Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của BLTTDS; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn làm trong thời hạn luật định, có hình thức, nội dung và phạm vi kháng cáo phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS năm 2015 nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn, thấy rằng:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn khai đất tranh chấp do ông Lâm Kh là cha của bà Thị N

khai phá sau đó Hợp tác xã Thành Công quản lý sử dụng, sau khi Hợp tác xã Thành Công giải thể đã giao lại cho ông Lâm Kh vào năm 1981. Cùng năm 1981 ông Lâm Kh tặng cho lại con gái là bà Thị N.

Bị đơn thì cho rằng đất tranh chấp nằm trong tổng diện tích đất mà bà V nhận chuyển nhượng từ bà Thị Ph vào năm 1993 đến năm 1999 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sử dụng ổn định cho đến nay.

[2.2] Xét thấy, bà Thị Ph là người chuyển nhượng đất cho bà V cũng trình bày diện tích đất tranh chấp trên không nằm trong diện tích đất bà Thị Ph chuyển nhượng cho bà V mà của ông Lâm Kh. Tuy nhiên, lời trình bày của nguyên đơn cũng như lời trình bày của những người làm chứng ông Lâm P, ông Lâm Chúc B không được bị đơn thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án phía nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh về việc được Hợp tác xã Thành Công giao đất cho ông Lâm Kh.

Ngoài ra, theo lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì khi Hợp tác xã giao lại đất cho ông Lâm Kh là thửa đất có diện tích khoảng 2000m^2 kéo dài từ giáp đường (là vị trí thửa đất tranh chấp hiện nay) đến phần đất của gia đình nguyên đơn đang ở (là thửa 541 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01209 ngày 08/4/1999 cấp cho hộ ông Lâm Hùng V). Tuy nhiên, thực tế hiện nay giữa thửa đất các bên đang tranh chấp đến thửa gia đình bà N đang ở là thửa 166 và đây là đất công. Theo công văn số 57/CV-UBND ngày 31/8/2022 của Ủy ban nhân dân xã L (bút lục 164) thể hiện: " *Nguồn gốc thửa đất 166: Thửa đất số 166 đất trường học (theo sổ mục kê) thửa đất có nguồn gốc Hợp tác xã Thành Công quản lý (từ năm 1970), quá trình sử dụng trên đất có 01 nhà kho Hợp tác xã và 01 phòng học. Đến năm 1989 Hợp tác xã giải thể còn lại 01 phòng học và 01 nhà kho... Hiện thửa đất này UBND xã quản lý chưa cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình cá nhân nào*". Như vậy, việc nguyên đơn cho rằng được Hợp tác xã giao thửa đất trên là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Xét quá trình sử dụng đất, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận từ năm 1993 khi gia đình bà V đến ở đã sử dụng phần đất tranh chấp làm sân phơi, đến năm 2009 thì bà V có xây dựng 01 căn nhà xây cấp 4 (tiệm hớt tóc) và sử dụng từ đó cho đến nay. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng việc bị đơn bà V xây nhà cấp 4 và ở trên phần đất tranh chấp này không được sự đồng ý của nguyên đơn. Tuy nhiên, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc ngăn chặn hay yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp. Đến năm 2019 nguyên đơn mới yêu cầu Ủy ban nhân dân xã giải quyết.

Như vậy, lời khai của bị đơn bà V về việc gia đình bà đã sử dụng ổn định thửa đất tranh chấp từ năm 1993 đến nay là phù hợp. Diện tích đất này bà V đã được Ủy ban nhân dân huyện L cấp quyền sử dụng cho bà V từ năm 1999 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01169 ngày 08/4/1999.

Mặt khác, theo lời trình bày của Ủy ban nhân dân huyện L thì "*Thửa đất số 165, tờ bản đồ số 12 tọa lạc tại ấp 7, xã L, huyện L được Ủy ban nhân dân huyện L cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01169QSDĐ/11/99/QĐ-UB ngày 08/4/1999 cho hộ bà Võ Thị V. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo kết quả đo đạc chính quy xã L từ năm 1998. Nguồn gốc đất nhận chuyển nhượng từ năm 1993. Việc cấp giấy CNQSDĐ 01169 là đúng quy định của pháp luật"*. Đối với 02 hình ảnh nguyên đơn cung cấp tuy thể hiện có cây cà phê và cho rằng trồng trên đất tranh chấp. Tuy nhiên, theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 29/5/2023 thì những tài sản trên diện tích đất không còn nên không thể xem xét đây là căn cứ để xác định diện tích đất tranh chấp của bà Thị N.

[4] Từ những phân tích và nhận định trên, HĐXX xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn không được HĐXX chấp nhận. Cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân huyện L.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu theo quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[8] Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Thị N;

Giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số 39/2022/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào các Điều 176, 690, 698 Bộ luật dân sự năm 1995; Các điều 2, 24, 36, 73, 79 của Luật đất đai năm 1993;

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thị N về việc yêu cầu bà Võ Thị V trả lại thửa đất có diện tích 153,7m^2 tọa lạc tại ấp 7, xã L, huyện L, tỉnh Bình phước và không chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất số 01169QSDĐ/11/99/QĐ-UB do Ủy ban nhân dân huyện L cấp ngày 08/4/1999 cho hộ bà Võ Thị V.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Thị N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0009513 ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

Bà Võ Thị V và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí.

3. Về chi phí tố tụng khác: Buộc bà Thị N phải chịu chi phí tố tụng với số tiền 6.258.000 đồng (sáu triệu hai trăm năm mươi tám ngàn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng bà Thị N đã nộp.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn bà Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0010018, ngày 12 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Bình Phước.

5. Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu HS, TDS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Viết Hùng